

Bản án số: 332/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc;
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 154/2022/HNST ngày 04/4/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3223/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4158/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 5/6/3 Đường số B, Khu phố B, phường TP, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 353/12/5A, đường NL, Phường NL, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn ly hôn ngày 21/3/2022; Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 27/6/2022; tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mộng H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TP, quận TĐ (nay là tp. TĐ), Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 19/6/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 5X, quyển số I/200X. Quá trình hôn nhân, bà và ông T thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình, dù đã nỗ lực hàn gắn nhưng bất thành. Đỉnh điểm vào tháng 11/2013, ông T bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích. Bà đã nhiều lần liên hệ với ông T bằng nhiều hình thức nhưng vẫn không biết ông T hiện đang ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Năm 2020, bà có nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1 giải quyết yêu cầu tuyên bố ông T mất tích. Dù đã đăng tin tìm kiếm nhưng đến nay vẫn chưa có bất kỳ thông tin nào của ông T. Dựa vào

hồ sơ vụ việc và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được, ngày 25/11/2021, Tòa án nhân dân Quận 1 đã ra Quyết định số 213/2021/QĐST-DS tuyên bố ông T mất tích.

Từ ngày ông T bỏ đi đến nay, bà là người chăm lo, quán xuyến gia đình, con cái, việc trong ngoài. Nhận thấy mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình hôn nhân, bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thụy Song K (nữ, sinh ngày 26/8/2007) và Nguyễn Hoàng Song U (nữ, sinh ngày 19/02/2010), bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và không trình bày ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ Tòa án công bố.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng H ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Chấp nhận yêu cầu của bà H là người được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn Bị đơn ông Nguyễn Văn T, do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an Phường NL, Quận M, Bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 353/12/5A, đường NL, Phường NL, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự:

Theo kết quả xác minh của Công an Phường NL, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cho biết ông T có hộ khẩu thường trú tại 353/12/5A, đường NL, Phường NL, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, kết quả tra cứu thông tin dữ liệu quốc gia về dân cư cho thấy ông T hiện cư trú tại 219, đường XO, phường PA, tp. TĐ, Tp. Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an phường PA, tp. TĐ, Tp. Hồ Chí Minh cho biết ông T từng có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 219 đường XO, phường PA, tp. TĐ, Tp. Hồ Chí Minh nhưng đã cắt khẩu từ năm 2012, hiện ở đâu, làm gì không rõ.

Dựa vào kết quả xác minh do Tòa án thu thập được; tài liệu, chứng cứ và Đơn yêu cầu ngày 17/5/2022 (về việc thực hiện cấp, tổng đạt thông báo, văn bản tố tụng bằng phương thức thông báo trên phương tiện truyền thông đại chúng đối với ông T) của bà H, Tòa án đã tiến hành thông báo công khai nội dung khởi kiện, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thời gian, địa điểm tổ chức phiên họp tiếp cận việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 5X, quyền số I/200X do Ủy ban nhân dân phường TP, quận TĐ (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2006; Căn cứ lời khai của bà H về quá trình tiến đến hôn nhân giữa bà H và ông T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên có cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mộng H về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của bà H quá trình hôn nhân bà và ông T thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình, dù đã nỗ lực hàn gắn nhưng bất thành. Đỉnh điểm vào tháng 11/2013, ông T bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích. Bà đã nhiều lần liên hệ với ông T bằng nhiều hình thức nhưng vẫn không biết ông T hiện đang ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Năm 2020, bà có nộp đơn yêu cầu Tòa án Quận 1 giải quyết yêu cầu tuyên bố ông T mất tích. Dù đã đăng tin tìm kiếm nhưng đến nay vẫn chưa có bất kỳ thông tin nào của ông T. Dựa vào hồ sơ vụ việc và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được, ngày 25/11/2021, Tòa án nhân dân Quận 1 đã ra Quyết định số 213/2021/QĐST-DS tuyên bố ông T mất tích.

Từ ngày ông T bỏ đi đến nay, bà là người chăm lo, quán xuyến gia đình, con cái, việc trong ngoài. Nhận thấy mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Xét cuộc sống chung giữa Nguyên đơn và Bị đơn không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải

quyết cho ly hôn”, vì vậy yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận để tạo điều kiện cho bà H được ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của bà H quá trình hôn nhân, bà H và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thụy Song K (nữ, sinh ngày 26/8/2007) và Nguyễn Hoàng Song U (nữ, sinh ngày 19/02/2010). Từ thời điểm ông T bỏ nhà ra đi, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Nay, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Xét lời khai của hai cháu Nguyễn Thụy Song K và Nguyễn Hoàng Song U: hai cháu xác nhận đang ở với mẹ là bà H, từ lâu đã không liên lạc được với ba, nguyện vọng của hai cháu là được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy 02 con chung hiện nay đang được Nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T đã bỏ nhà đi từ lâu vì vậy việc để cho Nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là cần thiết và phù hợp để các con chung được chăm sóc đầy đủ và phát triển toàn diện. Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được quyền cản trở, nhưng Bị đơn không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Nguyên đơn.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mộng H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1978 được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 5X, quyển số I/200X do Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2006.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thụy Song K (nữ, sinh ngày 26/8/2007) và Nguyễn Hoàng Song U (nữ, sinh ngày 19/02/2010) cho bà Nguyễn Thị Mộng H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mộng H không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một bên hoặc hai bên có quyền yêu cầu hoặc thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Mộng H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/000562X ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà H, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Q1;
- Đường sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Hiền